|  |  |
| --- | --- |
| **THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/QĐ-TTg | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO 3**

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định về lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Quyết định này quy định về lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới có lắp động cơ nhiệt nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Quyết định này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân có liên quan đến nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp xe cơ giới có lắp động cơ nhiệt (sau đây gọi tắt là “xe”).

2. Quyết định này không áp dụng đối với các loại xe sau:

a) Xe của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh;

b) Xe được nhập khẩu, sản xuất, lắp ráp tại Việt Nam để nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phục vụ sản xuất, trưng bày, giới thiệu tại hội chợ, triển lãm thương mại;

c) Xe sản xuất, lắp ráp để xuất khẩu;

d) Xe được nhập khẩu theo quy định của điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

đ) Xe được thiết kế có kết cấu đặc biệt không vì mục đích tham gia giao thông đường bộ; Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy ba bánh dùng cho người khuyết tật;

e) Ô tô được sản xuất, lắp ráp từ ô tô cơ sở (từ xe sát xi hoặc từ ô tô hoàn chỉnh) đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

1. Tiêu chuẩn khí thải Mức 2, Mức 3, Mức 4 và Mức 5 đối với xe nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp là các tiêu chuẩn tương ứng với các mức tiêu chuẩn khí thải Euro 2, Euro 3, Euro 4 và Euro 5 tại Quy định của Ủy ban kinh tế châu Âu của Liên Hợp quốc (UNECE) và Chỉ thị của Liên minh Châu Âu (EC) về phê duyệt kiểu loại xe cơ giới.

2. Tiêu chuẩn khí thải Mức 1, Mức 2, Mức 3, Mức 4 đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng là các mức được nêu tại TCVN 6438:2018 - Phương tiện giao thông đường bộ - Giới hạn lớn nhất cho phép của khí thải.

3. Mức phát thải bằng “0”: là phát thải của xe từ động cơ không có các chất gây ô nhiễm được quy định tại tiêu chuẩn nêu tại khoản 1 và khoản 2 của Điều này.

**Điều 4. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải**

1. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp:

a) Ô tô nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 5 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

b) Xe gắn máy hai bánh nhập khẩu và sản xuất, lắp ráp mới tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 2 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này;

c) Xe mô tô hai bánh nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 3 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này tới hết ngày 30/6/2027; áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 quy định tại khoản 1 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/7/2027;

d) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026;

đ) Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy ba bánh nhập khẩu mới và sản xuất, lắp ráp áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026.

2. Lộ trình áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng:

a) Ô tô nhập khẩu đã qua sử dụng tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn khí thải Mức 4 quy định tại khoản 2 Điều 3 Quyết định này;

b) Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ đã qua sử dụng nhập khẩu áp dụng mức phát thải bằng “0” quy định tại khoản 3 Điều 3 Quyết định này từ ngày 01/01/2026.

**Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Bộ Giao thông vận tải:

a) Xây dựng, ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia theo chức năng nhiệm vụ và quy định của pháp luật về các mức tiêu chuẩn khí thải phù hợp với lộ trình quy định tại Quyết định này.

b) Tổ chức triển khai Quyết định này; căn cứ vào tình hình thực tế tiếp tục nghiên cứu, xây dựng bổ sung các quy định nâng cao mức tiêu chuẩn khí thải đối với xe cơ giới trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

1. Bộ Khoa học và Công nghệ:

a) Nghiên cứu, rà soát quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học để sửa đổi, bổ sung phù hợp với lộ trình áp dụng các mức tiêu chuẩn khí thải quy định tại Quyết định này.

b) Thông báo lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu quy định tại Quyết định này tới Tổ chức Thương mại Thế giới.

1. Bộ Công Thương:

Chủ trì, phối hợp với các Bộ, ngành liên quan bảo đảm sản xuất, nhập khẩu và cung ứng nhiên liệu sử dụng cho xe có chất lượng theo đúng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xăng, nhiên liệu điêzel, nhiên liệu sinh học.

1. Các Bộ, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Tổ chức thông tin tuyên truyền về lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe quy định tại Quyết định này.

b) Phối hợp với Bộ Khoa học và Công nghệ kiểm soát chất lượng nhiên liệu lưu thông trên thị trường.

**Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Các kiểu loại xe sản xuất, lắp ráp đã được chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường trước thời điểm áp dụng tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình quy định tại khoản 1 Điều 4 Quyết định này được tiếp tục sản xuất, lắp ráp đến hết hiệu lực của giấy chứng nhận đã cấp hoặc sau 12 tháng kể từ ngày thời điểm lộ trình thực hiện có hiệu lực tùy theo điều kiện nào đến trước.

2. Các xe nhập khẩu có thời điểm cập cảng hoặc về tới cửa khẩu Việt Nam trước thời điểm áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải theo lộ trình quy định tại Quyết định này được tiếp tục áp dụng mức tiêu chuẩn khí thải có hiệu lực tại thời điểm xe cập cảng hoặc về tới cửa khẩu Việt Nam.

**Điều 7. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025.
2. Bãi bỏ các quy định sau:

a) Quyết định số 249/2005/QĐ-TTg ngày 10/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;

b) Quyết định số 49/2011/QĐ-TTg ngày 01/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô, xe mô tô hai bánh sản xuất, lắp ráp và nhập khẩu mới;

c) Điều 5 Quyết định số 16/2019/QĐ-TTg ngày 28/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ quy định lộ trình áp dụng tiêu chuẩn khí thải đối với xe ô tô tham gia giao thông và xe ô tô đã qua sử dụng nhập khẩu.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như khoản 3 Điều 7;  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư;  - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án Nhân dân tối cao; - Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao; - Kiểm toán Nhà nước; - Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các Phó Chủ nhiệm, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTN (5b). | **THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |